

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *101* /2018/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày *28* tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung và mức chi đối với các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính Quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, hội thi sáng tạo kỹ thuật và cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung và mức chi đối với các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3514/TTr-STC ngày 20 tháng 12 năm 2018 và Báo cáo kết quả thẩm định số 2062/BC-STP ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật do địa phương tổ chức, gồm:

- a) Hội thi sáng tạo kỹ thuật;
- b) Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân có công trình, giải pháp, đề tài khoa học công nghệ được xét tặng và nhận giải thưởng tại các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật;

b) Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc tham gia tổ chức, xét tặng giải thưởng tại các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Chi giải thưởng cho các tổ chức, cá nhân có các công trình, giải pháp, đề tài đoạt giải thưởng tại các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật theo các mức chi như sau:

a) Đối với Hội thi sáng tạo kỹ thuật:

Nội dung	Tiền thưởng
Giải nhất	30 triệu đồng/giải
Giải nhì	25 triệu đồng/giải
Giải ba	20 triệu đồng/giải
Giải khuyến khích	5 triệu đồng/giải

b) Đối với Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng:

Nội dung	Tiền thưởng
Giải đặc biệt	15 triệu đồng/giải
Giải nhất	10 triệu đồng/giải
Giải nhì	7 triệu đồng/giải
Giải ba	5 triệu đồng/giải
Giải khuyến khích	3 triệu đồng/giải

c) Số lượng các giải thưởng quy định tại Khoản này thực hiện theo quy định tại Thể lệ (hoặc Điều lệ) tổ chức các cuộc thi, hội thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi khen thưởng cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong tuyên truyền, vận động, tổ chức các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật: Thực hiện theo các hình thức khen thưởng quy định tại

Quyết định 115/2017/QĐ-UBND ngày 01/11/017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy chế thi đua, khen thưởng.

3. Chi tổ chức xét chọn và chấm giải thưởng:

a) Thuê chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm công trình, giải pháp, đề tài dự thi: Mức chi 1.000.000 đồng/công trình, giải pháp, đề tài;

b) Hợp Hội đồng giám khảo:

- Chủ tịch Hội đồng: 300.000 đồng/người/buổi;

- Ủy viên, thư ký: 200.000 đồng/người/buổi.

4. Chi thù lao đối với thành viên Ban Tổ chức và Ban Thư ký trong thời gian tổ chức hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

a) Ban Tổ chức: 250.000 đồng/người/tháng;

b) Ban Thư ký: 150.000 đồng/người/tháng.

5. Chi hỗ trợ cho các tác giả đoạt giải đi nhận giải thưởng (gồm: chi phí đi lại, tiền ăn, ở trong thời gian nhận giải thưởng): Thực hiện theo quy định tại Quyết định 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

6. Các khoản chi khác phục vụ công tác tổ chức các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được Trưởng Ban tổ chức các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật phê duyệt; gồm:

a) Chi tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân tham gia các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật; tuyên truyền về các công trình, giải pháp, đề tài đoạt giải;

b) Tổ chức Lễ phát động, Lễ tổng kết và trao giải cho các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật (bao gồm chi thuê địa điểm, trang trí khánh tiết, văn nghệ và chi khác liên quan trực tiếp đến tổ chức Lễ phát động, Lễ tổng kết và trao giải);

c) Thuê địa điểm trưng bày, triển lãm các công trình, giải pháp, đề tài đoạt giải trong thời gian trao giải ở địa phương, trong nước và quốc tế;

d) Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc), in ấn tài liệu, làm cúp, kỷ yếu của các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật;

đ) Thuê nhân công để thực hiện các công việc khác có liên quan đến công tác tổ chức các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật;

e) Tổ chức hội nghị, hội thảo; Thuê phương tiện đi lại và công tác phí của Ban Tổ chức, Ban Chỉ đạo, Ban Thư ký theo chương trình, kế hoạch được phê

duyet: Thực hiện theo quy định tại Quyết định 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

7. Trường hợp huy động được nguồn kinh phí tài trợ hợp pháp (ngoài nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ) được áp dụng mức chi cao hơn mức chi quy định tại Quyết định này trong phạm vi nguồn kinh phí huy động được.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ đã được phân bổ trong dự toán ngân sách hàng năm của các đơn vị theo nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Nguồn kinh phí khác: Kinh phí tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác huy động từ các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08. tháng 01. năm 2019

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ
- Vụ pháp chế-Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- VPUB: LĐ, Chuyên viên;
- Lưu: VT. ĐN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh